

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ SONG LỘC
MÃ QHNS: 1010508
DANH SÁCH CHI TIỀN CÔNG TÁC PHÍ QUA TÀI KHOẢN CÁ NHÂN
Tháng 01 năm 2025

S T T	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	TÀI KHOẢN	CÔNG TÁC PHÍ THÁNG 01 NĂM 2025	TỔNG THỰC LÃNH	KÝ NHẬN
A	B	C	D	1	2	3
1	Trần Văn Phú	084069012854	7409215027053	74.600	74.600	
2	Nguyễn Văn On	084066002230	7409215017848	346.800	346.800	
3	Lý Trung Chinh	084068010705	7409215017520	94.600	94.600	
4	Huỳnh Thị Thanh Thúy	084180008321	7409215017559	111.400	111.400	
5	Võ Đại Hương	084069002205	7409215017621	66.200	66.200	
6	Lâm Khoa	084079013277	7409215018131	86.200	86.200	
7	Đỗ Hữu Hồng	084070015223	7409215017609	342.400	342.400	
8	Võ Thanh Tòng	084078007573	7409215017798	339.600	339.600	
CỘNG				1.461.800	1.461.800	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu sáu trăm lẻ tám ngàn đồng.

Người lập
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bé Ngoan

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bé Ngoan

Ngày tháng năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Trần Văn Phú

Số: 04/QĐ-THCSSL

Song Lộc, ngày 02 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện
dự toán thu – chi ngân sách quý 1 năm 2025 của trường THCS Song Lộc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ SONG LỘC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-PGDĐT ngày 25/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của kế toán trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2025 của trường THCS Song Lộc .

Nội dung chi tiết theo biểu số 3, biểu số 7 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, công đoàn, kế toán và các đoàn thể có liên quan trong đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Công đoàn;
- Lưu : VT.

Đính kèm:

- Biểu số 3.
- Biểu số 7

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Phú

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 04/QĐ-THCSSL ngày 02/4/2025 của Trường THCS Song Lộc)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Song Lộc công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	98.064.000	98.064.000	60%	60%
I	Số thu phí, lệ phí	98.064.000	98.064.000	60%	60%
1	Lệ phí				
2	Phí	98.064.000	98.064.000	60%	60%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.390.620.233	2.390.620.233	96%	96%
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.390.620.233	2.390.620.233	96%	96%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.390.620.233	2.390.620.233	96%	96%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.380.270.233	2.380.270.233	96%	96%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.350.000	10.350.000	96%	96%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				

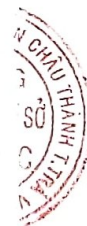
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 02 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trần Văn Phú



Ngày 02 tháng 4 năm 2025
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025
 (Kèm theo Quyết định số: 04/QĐ-THCSSL ngày 02/4/2025 của Trường THCS Song Lộc)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Song Lộc công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) như sau:

ĐV tính: đồng

Số	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.390.620.233	2.390.620.233	96%	96%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.390.620.233	2.390.620.233	96%	96%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.380.270.233	2.380.270.233	96%	96%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.350.000	10.350.000	96%	96%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

Số	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 02 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trần Văn Phú

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Song Lộc

Mã ĐVQHNS: 1010508

Mã cấp NS: 3



Người ký: Trần Văn Khánh
Ngày ký: 01/04/2025 17:09:45
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	073	00000	51.754.823	10.134.725.000	10.134.725.000	10.134.725.000	10.186.479.823	2.380.270.233	2.380.270.233	0	0	0	7.806.209.590
12	073	00000	0	41.400.000	41.400.000	41.400.000	41.400.000	10.350.000	10.350.000	0	0	0	31.050.000
Cộng:			51.754.823	10.176.125.000	10.176.125.000	10.176.125.000	10.227.879.823	2.390.620.233	2.390.620.233	0	0	0	7.837.259.590
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Tran Hue Hang

Người ký: Trần Văn Khánh
Ngày ký: 01/04/2025 17:09:45
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII

Trần Văn Khánh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: NGUYỄN THỊ BÉ NGOAN
Ngày ký: 01/04/2025 11:07:09
Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Song Lộc

Người ký: TRẦN VĂN PHÚ
Ngày ký: 01/04/2025 11:07:51
Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Song Lộc

NGUYỄN THỊ BÉ NGOAN

TRẦN VĂN PHÚ

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Song Lộc

Mã ĐVQHNS: 1010508

Mã cấp NS: 3



Người ký: Trần Văn Khánh
Ngày ký: 01/04/2025 17:09:45
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu
vực XVIII
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	073	6051	00000	0	0	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000
Lương theo ngạch, bậc	13	073	6001	00000	0	0	1.273.006.800	1.273.006.800	1.273.006.800	1.273.006.800
Phụ cấp chức vụ	13	073	6101	00000	0	0	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	073	6112	00000	0	0	379.416.960	379.416.960	379.416.960	379.416.960
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	073	6113	00000	0	0	2.106.000	2.106.000	2.106.000	2.106.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	073	6115	00000	0	0	295.904.232	295.904.232	295.904.232	295.904.232
Bảo hiểm xã hội	13	073	6301	00000	0	0	277.323.555	277.323.555	277.323.555	277.323.555
Bảo hiểm y tế	13	073	6302	00000	0	0	47.541.180	47.541.180	47.541.180	47.541.180
Kinh phí công đoàn	13	073	6303	00000	0	0	31.694.121	31.694.121	31.694.121	31.694.121
Bảo hiểm thất nghiệp	13	073	6304	00000	0	0	15.847.059	15.847.059	15.847.059	15.847.059
Tiền điện	13	073	6501	00000	0	0	1.917.374	1.917.374	1.917.374	1.917.374
Tiền nước	13	073	6502	00000	0	0	406.021	406.021	406.021	406.021
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	073	6552	00000	0	0	5.800.000	5.800.000	5.800.000	5.800.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	073	6601	00000	0	0	44.000	44.000	44.000	44.000
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	073	6605	00000	0	0	1.947.000	1.947.000	1.947.000	1.947.000

khác	13	073	6649	00000	0	0	7.760.500	7.760.500	7.760.500	7.760.500
Khoản công tác phí	13	073	6704	00000	0	0	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	073	6751	00000	0	0	874.720	874.720	874.720	874.720
Thuê lao động trong nước	13	073	6757	00000	0	0	9.750.000	9.750.000	9.750.000	9.750.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	073	7001	00000	0	0	8.035.711	8.035.711	8.035.711	8.035.711
Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	13	073	7004	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Cộng:					0	0	2.390.620.233	2.390.620.233	2.390.620.233	2.390.620.233
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Tran Hue Hang

Người ký: Trần Văn Khánh
Ngày ký: 01/04/2025 17:09:45
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Khoa học Nhà nước Khu vực XVIII

Trần Văn Khánh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: NGUYỄN THỊ BÉ NGOAN
Ngày ký: 01/04/2025 11:07:09
Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Sông Lát

Người ký: TRẦN VĂN PHÚ
Ngày ký: 01/04/2025 11:07:51
Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Sông Lát

NGUYỄN THỊ BÉ NGOAN

TRẦN VĂN PHÚ